

Số: 03 /2023/TTLT-BCA-
VKSDTC-TANDTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2023

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định về phối hợp thông báo hoặc gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao liên tịch ban hành Thông tư liên tịch quy định về phối hợp thông báo hoặc gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định về phối hợp thông báo hoặc gửi, cung cấp thông tin, tài liệu phản ánh về nhân thân, lý lịch, đặc điểm nhân dạng, kết quả khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự và các thông tin, tài liệu khác có liên quan đến người phạm tội; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thủ tục, thời hạn thông báo hoặc gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với các Cơ quan điều tra của Công an nhân dân; Trại giam, Trại tạm giam thuộc Bộ Công an; Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh; Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân các cấp; Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thông báo hoặc gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội phải được thông báo hoặc gửi đầy đủ, kịp thời, chính xác về Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân để quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; pháp luật về lưu trữ.

3. Thông tin, tài liệu do Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân cung cấp phải được quản lý, sử dụng phục vụ công tác khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự và các mục đích khác theo quy định của pháp luật và của Thông tư liên tịch này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thông tin, tài liệu Cơ quan điều tra của Công an nhân dân, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo hoặc gửi về Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân

1. Quyết định khởi tố bị can, quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can.

2. Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can, quyết định đình chỉ điều tra bị can.

3. Quyết định truy nã; quyết định đình nã.

Điều 5. Thông tin, tài liệu Trại giam, Trại tạm giam thuộc Bộ Công an; Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thông báo hoặc gửi về Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân

1. Quyết định truy nã.

2. Quyết định đình nã.

Điều 6. Thông tin, tài liệu Viện kiểm sát nhân dân thông báo hoặc gửi về Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân

1. Quyết định khởi tố bị can, quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can do Viện kiểm sát nhân dân ban hành.

2. Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can do Viện kiểm sát nhân dân ban hành.

3. Đối với những vụ án do bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Kiểm lâm, Kiểm ngư khởi tố, điều tra và kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền đề nghị truy tố theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 164 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) thì Viện kiểm sát nhân dân thông báo hoặc gửi những thông tin, tài liệu theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch này về Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cùng cấp.

Điều 7. Thông tin, tài liệu Tòa án nhân dân thông báo hoặc gửi về Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân

1. Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.
2. Bản án hình sự phúc thẩm.
3. Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo do Tòa án ban hành.
4. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.
5. Quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm.
6. Quyết định tổng hợp hình phạt.
7. Quyết định đình chỉ thi hành án.
8. Quyết định về việc xét đơn xin ân giảm hình phạt tử hình của Chủ tịch nước.
9. Biên bản thi hành án tử hình.

Điều 8. Thông tin, tài liệu Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân cung cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng; Trại giam, Trại tạm giam thuộc Bộ Công an; Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh

1. Danh bản, chỉ bản, ảnh người phạm tội.
2. Trích lục tiền án, tiền sự.
3. Thông báo kết quả xác minh nhân thân, lý lịch đối tượng.
4. Những thông tin, tài liệu đã được cơ quan tiến hành tố tụng; Trại giam, Trại tạm giam thuộc Bộ Công an; Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh cung cấp cho Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân nêu tại các điều 4, 5, 6 và 7 của Thông tư liên tịch này.

Chương III
TRÁCH NHIỆM, THỦ TỤC, THỜI HẠN THÔNG BÁO HOẶC GỬI,
CUNG CẤP THÔNG TIN, TÀI LIỆU

Điều 9. Trách nhiệm thông báo hoặc gửi thông tin, tài liệu của các cơ quan tiến hành tố tụng; Trại giam, Trại tạm giam thuộc Bộ Công an; Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh

Các cơ quan tiến hành tố tụng; Trại giam, Trại tạm giam thuộc Bộ Công an; Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thông báo hoặc gửi các thông tin, tài liệu quy định tại các

điều 4, 5, 6 và 7 của Thông tư liên tịch này về Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân theo phân cấp, như sau:

1. Cơ quan điều tra, Trại giam, Trại tạm giam thuộc Bộ Công an; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao thông báo hoặc gửi thông tin, tài liệu về Cục Hồ sơ nghiệp vụ - Bộ Công an;

2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thông báo hoặc gửi thông tin, tài liệu về Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an cấp tỉnh;

3. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp huyện thông báo hoặc gửi thông tin, tài liệu về Công an cấp huyện.

Điều 10. Thời hạn thông báo hoặc gửi thông tin, tài liệu

1. Đối với các thông tin, tài liệu quy định tại các điều 4, 5, 6 và 7 của Thông tư liên tịch này mà pháp luật có quy định thời hạn thông báo hoặc gửi, cung cấp thì các cơ quan tiến hành tố tụng; Trại giam, Trại tạm giam thuộc Bộ Công an; Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thông báo hoặc gửi về Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân theo quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch này trong thời hạn do pháp luật quy định.

2. Đối với các thông tin, tài liệu quy định tại các điều 4, 5, 6 và 7 của Thông tư liên tịch này mà pháp luật không quy định thời hạn thông báo hoặc gửi, cung cấp thì chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành hoặc ngày nhận được, các cơ quan tiến hành tố tụng; Trại giam, Trại tạm giam thuộc Bộ Công an; Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải thông báo hoặc gửi về Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân theo quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch này.

3. Đối với các thông tin, tài liệu do Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Kiểm lâm, Kiểm ngư khởi tố, điều tra và kết thúc điều tra chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền đề nghị truy tố (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 164 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)) thì chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được, Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền phải thông báo hoặc gửi về Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cùng cấp ngành của Công an nhân dân.

Điều 11. Phương thức thông báo hoặc gửi tài liệu và kết nối, chia sẻ thông tin

1. Các đơn vị có liên quan thuộc các ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án thông báo hoặc gửi, cung cấp thông tin, tài liệu bằng bản giấy hoặc sử dụng hệ

thống phần mềm quản lý văn bản điều hành của ngành tích hợp với Trục liên thông văn bản quốc gia để thông báo hoặc gửi, cung cấp thông tin, tài liệu điện tử liên quan đến người phạm tội.

2. Thông tin, tài liệu số hóa được trao đổi thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

3. Bộ Công an chủ trì đề xuất, xây dựng Cơ sở dữ liệu kết quả điều tra, truy tố, xét xử để phục vụ kết nối, chia sẻ thông tin giữa Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao căn cứ vào yêu cầu thực tiễn để xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu kết quả điều tra, truy tố, xét xử.

Điều 12. Thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu

Cơ quan tiến hành tố tụng; Trại giam, Trại tạm giam thuộc Bộ Công an; Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh gửi yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu về Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân theo biểu mẫu số 206 (ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự) phải ghi rõ số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản, tên thông tin, tài liệu đề nghị cung cấp, hình thức (bản chính hoặc bản sao), mục đích sử dụng, họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của cơ quan yêu cầu.

Điều 13. Thời hạn cung cấp thông tin, tài liệu

1. Đối với yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân trả lời trong thời hạn, như sau:

a) Cấp trung ương, không quá 07 ngày làm việc đối với yêu cầu không phải xác minh; không quá 15 ngày đối với yêu cầu cần phải xác minh;

b) Cấp tỉnh, không quá 07 ngày làm việc đối với yêu cầu không phải xác minh; không quá 15 ngày đối với yêu cầu cần phải xác minh;

c) Cấp huyện, không quá 05 ngày làm việc đối với yêu cầu không phải xác minh; không quá 10 ngày đối với yêu cầu cần phải xác minh.

2. Đối với yêu cầu đọc, nghiên cứu thông tin, tài liệu tại chỗ, Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân làm thủ tục cung cấp ngay.

3. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 14. Bảo đảm tính pháp lý của thông tin, tài liệu được thông báo hoặc gửi, cung cấp

1. Thông tin, tài liệu được thông báo hoặc gửi, cung cấp phải bảo đảm tính pháp lý, đúng quy định của pháp luật về hình thức văn bản (bản chính, bản sao, bản điện tử).

2. Thủ trưởng Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân duyệt, ký, đóng dấu cơ quan; duyệt, ký số của người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật vào văn bản trả lời và bản sao tài liệu (nếu có), cung cấp cho cơ quan, đơn vị gửi yêu cầu để bảo đảm giá trị pháp lý.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Cơ quan đầu mối

1. Cấp trung ương, cơ quan đầu mối trong phối hợp chỉ đạo và tham mưu, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư liên tịch này, như sau:

- a) Bộ Công an là Cục Hồ sơ nghiệp vụ;
- b) Viện kiểm sát nhân dân tối cao là Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- c) Tòa án nhân dân tối cao là Văn phòng Tòa án nhân dân tối cao.

2. Cấp tỉnh, cơ quan đầu mối trong phối hợp chỉ đạo và tham mưu, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư liên tịch này, như sau:

- a) Công an tỉnh là Phòng Hồ sơ nghiệp vụ;
- b) Viện kiểm sát nhân dân là Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân;
- c) Tòa án nhân dân là Văn phòng Tòa án nhân dân.

3. Cấp huyện, cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân phân công cán bộ làm đầu mối tham mưu, đôn đốc thực hiện Thông tư liên tịch này.

Điều 16. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Bộ Công an (Cục Hồ sơ nghiệp vụ) định kỳ 01 năm thông báo kết quả thực hiện Thông tư liên tịch này cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Văn phòng), Tòa án nhân dân tối cao (Văn phòng) và Công an các đơn vị, địa phương.

2. Công an cấp tỉnh (Phòng Hồ sơ nghiệp vụ) định kỳ 6 tháng, 01 năm thông báo kết quả thực hiện Thông tư liên tịch này cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh (Văn phòng), Tòa án nhân dân cấp tỉnh (Văn phòng) và báo cáo Bộ Công an (qua Cục Hồ sơ nghiệp vụ).

3. Công an cấp huyện định kỳ 6 tháng, 01 năm thông báo kết quả thực hiện Thông tư liên tịch này cho Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp huyện và báo cáo Công an cấp tỉnh (Phòng Hồ sơ nghiệp vụ).

4. Mốc thời gian báo cáo như sau:

a) Báo cáo 6 tháng tính từ ngày 01 tháng 12 năm trước đến ngày 31 tháng 5 của năm báo cáo;

b) Báo cáo năm tính từ ngày 01 tháng 12 năm trước đến ngày 30 tháng 11 của năm báo cáo.

5. Thời hạn gửi báo cáo là 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Điều 17. Chế độ sơ kết, kinh phí thực hiện

1. Định kỳ 05 năm/lần, Bộ Công an chủ trì phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hợp sơ kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Hằng năm, Công an cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp hợp sơ kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện Thông tư liên tịch này.

3. Kinh phí thực hiện: Được bảo đảm từ nguồn do ngân sách Nhà nước cấp để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của mỗi ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, thay thế Thông tư liên tịch số 05/2018/TTLT/BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị liên quan của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan phản ánh với Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao để xem xét, hướng dẫn thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Trí Tuệ

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Hải Trâm

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG**



Trung tướng Lê Quốc Hùng

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo CCTPTƯ;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (2b);
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Công an;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng TTĐT các Bộ, ngành: Bộ Công an, VKSNDTC, TANDTC;
- Lưu: VT (BCA, VKSNDTC, TANDTC).